

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2017/DS-ST
Ngày: 09-8-2017
V/v tranh chấp: Hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO-TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Kiệt**
2. Bà **Lê Thị Thu Yên**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thùy Dung** - Thư lý Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang

Ngày 09 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 185/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp *Hợp đồng góp hui*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2017/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Châu Thị T**, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Tổ 15, ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Thành Đ**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số 6, đường R, Phường N, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Võ Ngọc V, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp P, xã T, Tp Mỹ Tho, Tiền Giang.

- Người làm chứng:

1/ Bà Nguyễn Thị Bé B, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

2/ Bà Võ Thị Cẩm Th, sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ 11, ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Tổ 9A, ấp P, xã T, thành phố Mỹ Tho, Tiền Giang.

(Có mặt ông Đ, bà L, V, bà B, Th, T)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/5/2017, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Châu Thị T ủy quyền cho ông Lê Thành Đ trình bày: vào năm 2015 bà Nguyễn Thị L có làm chủ dây hụi, hụi khui vào ngày 15/2/2015 hụi 3.000.000 đồng phần, gồm có 26 phần, bà L nói với bà T là có hụi viên cần hốt một lúc ba phần nhưng bà L không có tiền để chồng hụi cho hụi viên. Nên giữa bà T với bà L thỏa thuận là bà T sẽ đưa tiền cho bà L chồng hụi cho hụi viên, tổng số tiền là 167.700.000 đồng, sau khi hụi mãn thì bà L sẽ trả một phần hụi là 78.000.000 đồng, tổng cộng là 234.000.000 đồng, và hàng tháng bà T sẽ được hưởng tiền lãi hụi chênh lệch, hiện nay dây hụi trên đã mãn nhưng bà L không thực hiện đúng thỏa thuận là trả khoản tiền lãi chênh lệch hàng tháng và trả lại số tiền 234.000.000 đồng. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền 234.000.000 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: bà thừa nhận có ký tên vô biên nhận nợ với số tiền 234.000.000 đồng, nhưng thật tế số tiền 234.000.000 đồng này là do bà Võ Ngọc V nợ bà Châu Thị T. Bà V có chơi 03 phần hụi do bà làm chủ hụi và hốt hết 03 phần hụi trên trả nợ cho bà T, tổng số tiền bà V hốt là 167.700.000 đồng. Khi bà V hốt hụi do bà làm chủ hụi cho nên có làm giấy nợ nhận số tiền từ bà T giao cho bà V. Thực tế bà không có nhận số tiền 234.000.000 đồng của bà T.

Nay do bà ký biên nhận nên bà cũng đồng ý trả tiền cho bà T nhưng trả tiền gốc là 167.700.000 đồng. Đợi bà đòi được tiền của bà Võ Ngọc V sẽ trả cho bà Châu Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Ngọc V trình bày: Bà là hụi viên có chơi ba phần hụi của bà Nguyễn Thị L làm chủ hụi. Lý do chơi hụi là do bà có nợ tiền của bà T, hốt ba phần hụi để trả nợ cho bà T. Bà có ký tên trong giấy nhận nợ của bà L ba phần hụi là 167.700.000 đồng nhưng thực chất đã hốt ba phần hụi trên để trả nợ cho bà T. Nay bà nợ hụi chết của bà L thì bà đồng ý trả tiền cho bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà Châu Thị T không phải là hụi viên cũng không phải là chủ hụi trong dây hụi 3.000.000 đồng khui vào ngày 15/2/2015, bà T đưa cho bà L là chủ hụi số tiền 167.700.000 đồng để bà L chồng tiền cho hụi viên hốt và bà T sẽ hưởng tiền lãi đến khi hụi mãn là 234.000.000 đồng đây chính là quan hệ vay mượn tài sản là tiền và có lãi, nên yêu cầu khởi kiện của bà T yêu cầu bà Nguyễn Thị L trả số tiền vốn và lãi là 234.000.000 đồng đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng

dân sự và theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa bà L thừa nhận biên nhận có nội dung “Tôi Nguyễn Thị L ấp P, xã T, TP Mỹ Tho Tôi có nhận 3 phần hụi chồng là 236.000.000...nếu sai hẹn Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước chánh quyền địa phương” là do bà L viết và ký tên. Biên nhận thể hiện bà L có nhận bà T tổng cộng số tiền phải trả là 236.000.000 đồng sau khi viết biên nhận đến khi xét xử bà L thừa nhận chưa trả cho bà T số tiền 234.000.000 đồng và tại phiên tòa bà L cũng đồng ý trả lại cho bà T 234.000.000 đồng, phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà T. Nên theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Tuy nhiên bà L cho rằng giữa bà với bà T có thỏa thuận ngoài khoản tiền vốn và tiền lãi 234.000.000 đồng, thì hàng tháng bà T còn nhận tiền lãi chênh lệch tổng cộng là 66.300.0000 đồng, đại diện ủy quyền của bà T không thừa nhận bà T có nhận số tiền lãi là 66.300.000 đồng. Bà L trình bày việc bà T nhận tiền lãi 66.300.000 đồng có bà Nguyễn Thị B, Võ Thị Cẩm Th, Nguyễn Thị T biết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị B, Võ Thị Cẩm Th, Nguyễn Thị T trình bày: có biết việc bà T nhận tiền lãi chênh lệch khoản 10 hay 11 lần, mỗi lần khai hụi thì hụi kêu bao nhiêu, thì bà T nhận khoản lãi chênh lệch, có khi nhận có khi trừ vào tiền hụi bà T chơi, nhưng cụ thể là bao nhiêu thì các bà không biết. Những người làm chứng là bà B, bà Th, bà T không trực T thấy chứng kiến việc bà L trả cho bà T 66.300.000 đồng, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà L không có yêu cầu gì đối với số tiền 66.300.000 đồng mà bà L cho rằng bà T đã nhận lãi. Do đó Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét giải quyết.

Hợp đồng vay tài sản là tiền giữa bà T với bà L là hợp đồng có kỳ hạn, thỏa thuận giữa bà T với bà L là ngày 15/1/2017 trả 78.000.000 đồng, 15/2/2017 trả 78.000.000 đồng, 15/3/2017 trả 78.000.000 đồng, nhưng bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ của bên vay tài sản trả đủ tiền khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Bà T khởi kiện yêu cầu bà L trả lại số tiền 234.000.000 đồng khi đến hạn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Đ đại diện ủy quyền của bà T yêu cầu trả một lần hết số tiền 234.000.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật, bà L yêu cầu trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về phương thức trả và thời gian trả. Do đó về phương thức trả, thời gian trả là do hai bên đương sự thỏa thuận với nhau khi đến giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 189, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: 1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà Châu Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị L trả cho bà Châu Thị T số tiền 234.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2/ Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu 11.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại bà Châu Thị T số tiền 5.850.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 31949 ngày 23/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Ngọc Tuyền